

Số: 106/2026/QĐST-HNGĐ

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1991;

Số CCCD: 042191011136; cấp ngày 09/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: **Thôn S, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh.**

Bị đơn: Anh **Bùi Thành L1**, sinh năm: 1985;

Số CCCD: 052084002042; cấp ngày 20/01/2025; nơi cấp: **Bộ C.**

Địa chỉ: **Thôn S, xã C, tỉnh Lâm Đồng.**

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị L** và anh **Bùi Thành L1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao con chung là cháu **Bùi Lê Hoàng K**, sinh ngày 04/4/2023 cho chị **Lê Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **K** đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng : Anh **Bùi Thành L1** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu **Bùi Lê Hoàng K** 500.000đ/tháng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu **K** đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 347, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Thị L** và **Bùi Thành L1** thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Lê Thị L** tự nguyện nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **L** đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007428 ngày 22/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho chị **Lê Thị L** số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh **Bùi Thành L1** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lâm Đồng;
- UBND xã Cát Tiên 2, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Nguyễn Thị Hà Giang